

Bản án số: 341/2025/HS-PT

Ngày: 22/09/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Liên - Thư ký viên.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Thảo - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22/09/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 235/2025/TLPT-HS ngày 11/8/2025, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 431/2025/HS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Bị cáo Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn Y, xã T, tỉnh Ninh Bình (trước là xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình); Nơi cư trú: 50 H, (phường H, thành phố Hà Nội (trước là phường Đ, quận H, Hà Nội); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị M; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh kể từ ngày 09/08/2024; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/01/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an tiếp nhận 03 công dân Việt Nam gồm: Nguyễn Thị H (sinh năm 1994, trú tại phường N, thị xã

C, Nghệ An), Đậu Thị Thu H1 (sinh năm 2000, trú tại phường T, thị xã C, Nghệ An), Nguyễn Quốc Kh (sinh năm 2005, trú tại phường T, thị xã C, Nghệ An) (nay thuộc TP V, tỉnh Nghệ An) bị phía Bulgaria từ chối nhập cảnh do nghi ngờ mục đích nhập cảnh.

Ngày 10/6/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hà Nội tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Căn cứ kết quả điều tra và tài liệu chứng cứ thu thập được, kết quả điều tra xác định:

Cuối năm 2023, đầu năm 2024, Nguyễn Văn T đã tổ chức cho 03 khách Nguyễn Thị H, Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh trốn đi Đức lao động bằng visa du lịch Bulgaria, cụ thể như sau: Khoảng từ năm 2022, qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Văn T quen biết với người đàn ông xưng tên là A (chô) (khoảng hơn 40 tuổi, nói tiếng Việt, có thông tin sinh sống tại Bulgaria, không có thông tin cụ thể khác). A (chô) trao đổi với T có thể làm hồ sơ cho khách đi lao động ở Châu Âu, nếu có ai muốn đi lao động thì giới thiệu.

Do có mối quen biết xã hội với Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1972, HKTT: phường N, V, Nghệ An), T đã trao đổi cho Ch biết mình có thể làm hồ sơ, thủ tục cho khách đi lao động ở Châu Âu.

Khoảng giữa năm 2023, 03 khách là Nguyễn Thị H, Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh có nhu cầu đi lao động tại Châu Âu. Ông Đậu Hồng L (sinh năm 1967- bố của Đậu Thị Thu H1, em rể của Nguyễn Văn Ch) đã hỏi Ch và được Ch cho số điện thoại của T để liên hệ hỏi thủ tục. Cùng thời điểm đó, Nguyễn Thị H cũng có trao đổi với Ch về việc muốn đi lao động ở Châu Âu thì được Ch cho số điện thoại của T để liên hệ và bà Trần Thị H2 (sinh năm 1972 - mẹ của Nguyễn Quốc Kh) cũng trao đổi với ông L về việc cho Kh đi lao động tại Châu Âu và được ông L cho số điện thoại của T để liên hệ.

Ông Đậu Hồng L, bà Trần Thị H2 trao đổi với T muốn làm hồ sơ cho H, H1, Kh đi lao động tại Châu Âu. T hỏi A (chô) thì được A (chô) hướng dẫn sẽ làm thủ tục cho khách đi lao động tại Hy Lạp, có ký Hợp đồng với Công ty ở Hy Lạp, công việc làm nông nghiệp theo thời vụ, sau đó sẽ chuyển đổi sang dài hạn, khách đi lao động tại Hy Lạp hợp pháp sẽ được cấp thẻ lao động, được cư trú ở Hy Lạp thì có thể sang các nước Châu Âu khác làm việc. T thỏa thuận với khách nội dung như A (chô) đã trao đổi.

Sau đó, do không xin được Hợp đồng lao động cho 03 khách tại Công ty ở Hy Lạp, A (chô) bảo với T sẽ xin visa du lịch cho khách sang Bulgaria, khi đến Bulgaria sẽ tìm cách ký Hợp đồng lao động để chuyển đổi sang visa lao động, chi phí xin visa du lịch là 80.000.000 đồng, khách chỉ phải nộp trước tiền vé máy bay, còn lại khi nào sang đến Bulgaria mới phải nộp nốt. T báo lại với khách nội dung trên, tuy nhiên khách muốn sang Đức lao động nên T được A (chô) hướng dẫn khách cứ sang Bulgaria bằng visa du lịch, sau đó sẽ có người đưa sang Đức lao động. Về chi phí thì khi sang được đến Bulgaria sẽ có người làm việc trực tiếp với khách và thỏa thuận cụ thể số tiền nộp, cách thức nộp. Nếu khách sang được Bulgaria, A (chô) sẽ cho T số tiền 5.000.000 đ/khách. T đã trao đổi lại với khách

nội dung: “sẽ làm hồ sơ, thủ tục cho khách sang Bulgaria bằng visa du lịch với chi phí 80.000.000đ, sau khi sang đến Bulgaria sẽ có người lo cho sang Đức lao động. Chi phí sang Đức sẽ thỏa thuận và trả cho người lo cho khách từ Bulgaria sang Đức”. Các khách Nguyễn Thị H, Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh đồng ý.

Về việc làm hồ sơ, thủ tục xin visa du lịch Bulgaria cho khách: A (chô) bảo T cho số điện thoại của khách và bảo khách mang hồ sơ đến Đại sứ quán Bulgaria, sẽ có người đón, hướng dẫn làm thủ tục xin visa. Ngày 11/12/2023, T hẹn gặp khách tại một quán nước gần Đại sứ quán Bulgaria, đưa hồ sơ cho khách và dặn khách nội dung như A (chô) đã dặn. Khi 03 khách đến khu vực trước cửa ngân hàng Vietcombank trên phố N thì Nguyễn Việt Đ (sinh năm 1984, trú tại P309, C, CC T, phường Đ, quận H, Hà Nội) mang hồ sơ dịch thuật đến đưa cho khách, đồng thời Đ nhận được tiền từ tài khoản của Lê Thị Lan A (sinh năm 1979, trú tại K, quận T, Hà Nội), sau đó Đ chuyển 50.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Thị H tại ngân hàng Vietinbank, chuyển 120.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Quốc Kh tại ngân hàng Vietinbank. Đồng thời tài khoản của Đậu Thị Thu H1 cũng nhận được số tiền 80.000.000đ từ tài khoản của Lê Thị Lan A chuyển đến. H, H1, Kh vào ngân hàng lấy sao kê tài khoản, sau đó chuyển trả lại số tiền đã nhận vào tài khoản của Lan A. 03 khách đến Đại sứ quán Bulgaria tự vào nộp hồ sơ, làm thủ tục lẫn tay chụp ảnh, phỏng vấn để xin visa.

Sau khi khách được cấp visa, theo thông báo của A (chô), T bảo khách đến Đại sứ quán Bulgaria nhận Hộ chiếu đã có visa, đồng thời báo mỗi người phải nộp trước số tiền 15.000.000đ, còn lại khi nào sang đến Bulgaria sẽ nộp nốt. Khi khách nhận được hộ chiếu đã có visa thì gặp Đ và đưa cho Đ để đặt vé máy bay. Khi có vé máy bay, theo thông báo của T, ngày 12/01/2024, 03 khách lên Hà Nội nộp cho T tổng số tiền 45.000.000đ/03 khách (15.000.000 đ/người) và gặp Đ nhận hộ chiếu, vé máy bay, lịch trình...để tối cùng ngày xuất cảnh đi Bulgaria. Khi khách đến sân bay Bulgaria làm thủ tục nhập cảnh thì bị từ chối và yêu cầu quay trở về Việt Nam. Ngày 15/01/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an tiếp nhận 03 khách Nguyễn Thị H, Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh bị trục xuất quay trở về Việt Nam. Ngày 30/7/2024, Nguyễn Văn T đã trả cho ông Đậu Hồng L (bố đẻ Đậu Thị Thu H1) số tiền 45.000.000 đồng là tiền chi phí để trốn đi nước ngoài (bút lục số 0689). Ông Đậu Hồng L đã trả cho bà Lê Thị Ng, bà Trần Thị H2 số tiền phạm pháp trên.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các khách Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Thị H và người nhà là Đậu Hồng L, Trần Thị H2 khai phù hợp với kết quả điều tra đồng thời nhận dạng ra Nguyễn Văn T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 431/2025/HSST ngày 24/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T 30 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí; kiến

ngộ cơ quan điều tra làm rõ hành vi của các cá nhân có dấu hiệu phạm tội và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2025, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn và xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo; xét vai trò của bị cáo trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 30 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, có xác nhận của chính quyền địa phương; trong vụ án này, bị cáo chưa được hưởng lợi; hành vi phạm tội đã bị phát hiện, ngăn chặn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo, căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn T, lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có đủ căn cứ kết luận: Cuối năm 2023, đầu năm 2024, Nguyễn Văn T đã câu kết với người tên A (chô) tổ chức cho 03 người là Nguyễn Thị H, Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh trốn đi Đức lao động bằng cách xin visa du lịch nhập cảnh vào Bulgaria sau đó sẽ trốn sang Đức; nếu khách sang được Bulgaria, Nguyễn Văn T sẽ được A (chô) cho 5.000.000 đồng/người. Tuy nhiên, sau khi các khách Nguyễn Thị H, Đậu Thị Thu H1, Nguyễn Quốc Kh được cấp visa, vé máy bay, lịch trình và xuất cảnh, khi đến Bulgari đã bị từ chối nhập cảnh và bị buộc quay trở lại Việt Nam. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[4] Về hình phạt, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt được quy định từ 01 năm đến 05 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 30 tháng tù là không nặng. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo phạm tội lần đầu, có câu kết với các đối tượng khác nhưng không phải là chủ mưu, khởi xướng; bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; vụ án đã bị phát hiện, ngăn chặn, bị cáo chưa được hưởng lợi; bị cáo cũng đã trả lại số tiền 45.000.000 đồng (tiền đặt vé máy bay sang Bulgaria) mà bị cáo đã nhận của những người liên quan; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo thường trú. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo. Bởi vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[5] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bị cáo Nguyễn Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 431/2025/HS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T 30 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Bị cáo Nguyễn Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Thanh Sơn, T. Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu Phòng HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang